

Bản án số: 139/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 31/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thống N, sinh năm 1976; thường trú: 397 L, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; thường trú: 397 L, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Thống N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/8/2004 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/2004 quyển số 01). Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ tại khu vực phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến năm 2010 thì chuyển về sống tại thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng cùng buôn bán tạp hóa, thu nhập ổn định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh từ việc vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm sống nên thường cãi nhau. Từ đầu năm 2019 chị L bắt đầu bỏ nhà đi nhiều lần, mỗi lần đi khoảng từ 01 tuần đến 10 ngày, không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải cho

hai vợ chồng nhưng không thành, khoảng 03 tháng trở lại đây chị L đã dẫn con dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh N xác định không còn tình cảm với chị L nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/11/2008. Hiện nay cháu đang sống chung với chị L, cháu là con gái nên khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Trần Thống N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L: Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/9/2019; tham gia phiên tòa vào ngày 31/10/2019, tuy nhiên ngày 23/8/2019 chị L có bản tự khai gửi Tòa án thống nhất những nội dung theo đơn khởi kiện của anh N, đồng ý ly hôn với anh N đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, chị L không có yêu cầu gì khác và không cung cấp chứng cứ.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An tại Hội liên hiệp phụ nữ phường D, thị xã Dĩ An thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường D không nhận được đơn hay yêu cầu hòa giải về tình trạng hôn nhân của anh Trần Thống N và chị Nguyễn Thị L nên không biết được giữa hai anh chị có mâu thuẫn gì, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ đâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đã có lời khai đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nguyên đơn cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân, anh N và chị L có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị L đã có bản tự khai thống nhất nội dung trình bày của anh N về điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Chị L không cung cấp chứng cứ nhưng tại bản tự khai xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị L là trầm trọng, anh N có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, anh N có yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/11/2008 là con gái, hiện đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai chị L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 23/10/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị L nộp đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngày 25/9/2019 nguyên đơn anh Trần Thống N nộp đơn từ chối hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh N và chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thống N và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/8/2004 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/2004 quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Anh N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, bản thân anh không còn tình cảm với chị L nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Chị Nguyễn Thị L thống nhất phần trình bày của anh N về quan hệ hôn nhân và điều kiện kết hôn. Chị L thừa nhận cuộc sống hôn nhân của chị và anh N có nhiều mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân. Chị L thừa nhận thực tế hôn nhân giữa chị và anh N không có hạnh phúc, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh N và chị L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Trần Thống N là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/11/2008. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị L nên khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 23/8/2019, chị L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T tại bản tự khai ngày 25/9/2019. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn cần giao con chung tên Trần Nguyễn Minh T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Trần Thống N và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí: Anh Trần Thống N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Thông N được ly hôn với chị Nguyễn Thị L (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/2004 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/8/2004).

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/11/2008 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thông N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Thông N và chị Nguyễn Thị L đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Trần Thông N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị L nuôi con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Thông N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0029111 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm